

Số: 35 /2015/QĐ-UBND

Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 23 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu; Quyết định số 63/2014/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu ban hành kèm theo Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Thực hiện Công văn số 69/CV-UB ngày 05 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn về việc hướng dẫn triển khai xây dựng và cập nhật Kế hoạch ứng phó với sự cố tràn dầu, bản đồ nhạy cảm các tỉnh, thành phố ven biển;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1728/TTr-STNMT ngày 27 tháng 5 năm 2015 và Báo cáo kết quả thẩm định số 860/BC-STP ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, bao gồm 05 Chương, 20 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- UBQG Tìm kiếm cứu nạn;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Ninh Thuận;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Xuân Hòa;
- HĐND các huyện, thành phố;
- Trung tâm UPSC TD KV miền Trung;
- VPUB: CVP, PVP (L.T.Dũng);
- Lưu: VT, KTN Nam.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Hòa

QUY ĐỊNH

**Lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của
các cơ sở trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 35 /2015/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động về khai thác, kinh doanh, vận chuyển, chuyển tải, sử dụng xăng, dầu và các sản phẩm dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu trên đất liền và vùng biển tỉnh Ninh Thuận; bao gồm các cảng, cơ sở, dự án (sau đây gọi chung là cơ sở).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Dầu và các sản phẩm của dầu bao gồm:

- a) Dầu thô là dầu từ các mỏ khai thác chưa qua chế biến;
- b) Dầu thành phẩm là các loại dầu đã qua chế biến như xăng, dầu hỏa, dầu máy bay, dầu Diesel (DO), dầu mazút (FO) và các loại dầu bôi trơn bảo quản, dầu thủy lực;
- c) Các loại khác là dầu thải, nước thải lẫn dầu từ hoạt động súc rửa, sửa chữa tàu của tàu biển, tàu sông, các phương tiện chứa dầu;

Dầu trong Quy chế này được hiểu là tất cả các loại nói trên.

2. Sự cố tràn dầu là hiện tượng dầu từ các phương tiện chứa, vận chuyển khác nhau, từ các công trình và các mỏ dầu thoát ra ngoài môi trường tự nhiên do sự cố kỹ thuật, thiên tai hoặc do con người gây ra.

3. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu là dự kiến các nguy cơ, tình huống sự cố có khả năng xảy ra tràn dầu cùng các phương án ứng phó trong tình huống dự kiến

đó, các chương trình huấn luyện, diễn tập để đảm bảo sự sẵn sàng các nguồn lực kịp thời ứng phó khi sự cố tràn dầu xảy ra trên thực tế.

4. Cơ sở là các cơ quan, đơn vị cá nhân có hoạt động về khai thác, vận chuyển, chuyển tải, sử dụng dầu và các sản phẩm dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu.

5. Chủ cơ sở là người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm toàn bộ về pháp lý đối với các hoạt động của cơ sở.

6. Dự án là dự án đầu tư xây dựng công trình, cơ sở, cảng có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu.

7. Cơ sở dầu khí ngoài khơi là bất kỳ thiết bị, cấu trúc lắp đặt cố định hay di động trên mặt biển ở phía bên ngoài lãnh hải Việt Nam tham gia vào việc thăm dò, khai thác hoặc các hoạt động sản xuất hay xếp dỡ dầu.

Chương II

THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

Điều 4. Thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh có hoạt động về khai thác, kinh doanh, vận chuyển, chuyển tải, sử dụng xăng, dầu và các sản phẩm dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu trên đất liền và vùng biển tỉnh Ninh Thuận, trừ trường hợp quy định tại Điều 5 Quy định này.

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền (dưới 20 tấn) đóng trên địa bàn huyện.

Điều 6. Quy định đối với các cơ sở dầu khí ngoài khơi

1. Các cơ sở dầu khí ngoài khơi có nguy cơ ảnh hưởng đến vùng biển tỉnh Ninh Thuận, khi xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu phải lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Các cơ sở dầu khí ngoài khơi khi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, chủ cơ sở gửi văn bản đề nghị kèm theo dự thảo Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường Ninh Thuận.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản có ý kiến đối với Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở.

Thời hạn để Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến đối với Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở dầu khí ngoài khơi không vượt quá 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc kể từ khi Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ đầy đủ từ chủ cơ sở.

Chương III

TRÌNH TỰ HỒ SƠ THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH SỰ CỐ TRÀN DẦU

Điều 7. Thời điểm lập, trình thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu phải được lập trước khi triển khai các hoạt động của cơ sở quy định tại Điều 2 Quy định này cùng với thủ tục đánh giá tác động môi trường. Chủ cơ sở tự lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và nộp cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy định này để thẩm định và phê duyệt.

2. Các cơ sở đã hoạt động trước thời điểm Quy định này có hiệu lực, sau thời gian tối đa 01 (một) năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, phải xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và nộp các cơ quan được quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quy định này phê duyệt theo thẩm quyền.

3. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở đã được phê duyệt phải được cập nhật, sửa đổi, bổ sung khi có sự thay đổi lớn về rủi ro gây tràn dầu hoặc tổ chức nguồn lực ứng phó sự cố tràn dầu.

Điều 8. Nội dung cơ bản của Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu các cơ sở cần phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản về nội dung như sau:

- Mô tả thông tin chung về cơ sở và những hoạt động liên quan đến xăng, dầu và các sản phẩm dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu;

- Đánh giá rủi ro nguồn dầu tràn; khả năng tác động, phạm vi ảnh hưởng trong trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu;

- Nguồn lực ứng phó sự cố tràn dầu: Lực lượng, trang thiết bị ứng phó; phương án phối hợp với các đơn vị xung quanh hoặc hợp đồng thuê dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu;

- Quy trình triển khai ứng phó: Xử lý thông tin, báo cáo, thông báo; tổ chức triển khai các phương án ứng phó; hoạt động khắc phục và giải quyết hậu quả sau sự cố tràn dầu;

- Kế hoạch tập huấn diễn tập hàng năm: Xây dựng tình huống điển hình như tình huống lượng dầu tràn lớn nhất và tình huống có khả năng gây tác động lớn nhất.

2. Đề cương hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo Mẫu số 03 và Mẫu số 04 kèm theo Quy định này.

Điều 9. Cơ quan thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, tổ chức thẩm định hồ sơ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trước khi

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đối với hoạt động của các cơ sở quy định tại Điều 5 Quy định này.

Điều 10. Trình tự, thủ tục, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu nộp 02 (hai) bộ hồ sơ cho bộ phận tiếp nhận và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Bước 2. Kiểm tra hồ sơ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả chuyển Chi cục Biển thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, Chi cục Biển tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

c) Bước 3. Thẩm định hồ sơ: Chi cục Biển có trách nhiệm xem xét, tổ chức thẩm định hồ sơ. Gồm các bước sau:

- Chi cục Biển tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở;

- Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định có thể tiến hành các hoạt động điều tra, kiểm chứng các thông tin, số liệu được trình bày trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở tại địa điểm thực hiện dự án và khu vực kế cận. Kết quả điều tra, kiểm chứng các thông tin, số liệu sẽ quyết định việc tổ chức họp Hội đồng thẩm định hay đề nghị chủ cơ sở chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ trước khi tổ chức họp Hội đồng thẩm định;

- Trường hợp Kế hoạch được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng có chỉnh sửa, bổ sung thì Chi cục Biển tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản đề nghị cơ sở chỉnh sửa Kế hoạch theo ý kiến Hội đồng thẩm định;

- Trường hợp Kế hoạch được Hội đồng thẩm định thông qua, không phải chỉnh sửa bổ sung thì Chi cục Biển tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Bước 4. Trình, giải quyết hồ sơ: Chi cục Biển tham mưu Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ra quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

đ) Bước 5. Thông báo và trả kết quả hồ sơ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả.

2. Cách thức thực hiện:

a) Cách thức nộp hồ sơ: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện;

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ trình thẩm định:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (bản chính, Mẫu số 01);

+ 20 (hai mươi) bản Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu. Trường hợp cần thiết, đơn vị xem xét hồ sơ yêu cầu cơ sở cung cấp thêm số lượng bản Kế hoạch (bản chính, Mẫu số 3);

+ Hồ sơ năng lực và danh mục trang thiết bị thực hiện ứng phó sự cố tràn dầu (bản chính). Trường hợp không có đủ trang thiết bị thì phải có hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu và kèm theo hồ sơ năng lực của đơn vị đó (bản sao công chứng/ chứng thực);

+ Hồ sơ pháp nhân: Quyết định thành lập/ giấy đăng ký kinh doanh/ giấy chứng nhận đầu tư (bản sao công chứng/ chứng thực);

+ Quyết định thành lập Ban chỉ huy và Đội ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở, kèm theo danh sách (bản chính) và chứng chỉ đã qua lớp tập huấn ứng phó sự cố tràn dầu;

+ Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/ đề án bảo vệ môi trường/ kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc thông báo chấp nhận cam kết bảo vệ môi trường của cơ sở (đối với cơ sở đi vào hoạt động trước thời điểm Quy định này có hiệu lực).

- Số lượng hồ sơ: 02 (hai) bộ

b) Hồ sơ trình phê duyệt:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (bản chính);

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (bản giấy và file dự thảo);

+ Biên bản họp thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Hội đồng thẩm định (bản chính);

+ 05 (năm) bản Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở đã chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định.

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

4. Thời hạn giải quyết hồ sơ:

a) Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: Không quá 05 (năm) ngày làm việc, Chi cục Biển có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ tiếp nhận cho Chi cục Biển trong ngày làm việc, trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ 00 phút thì chuyển ngay trong ngày làm việc tiếp theo);

b) Thời hạn thẩm định hồ sơ: Không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Thời gian nêu trên không tính thời gian chủ cơ sở phải chỉnh sửa hồ sơ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo ý kiến của Hội đồng thẩm định;

c) Thời hạn trình và giải quyết hồ sơ:

- Thời hạn trình hồ sơ: Không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

- Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.

d) Thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Cơ quan thực hiện thẩm định và phê duyệt Kế hoạch:

a) Cơ quan trực tiếp thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Cơ quan phối hợp thẩm định: Các đơn vị liên quan;

c) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở.

7. Phí, lệ phí: Không.

8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Mẫu văn bản đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh)
Mẫu số 03	Đề cương hướng dẫn Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở (thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh)

Điều 11. Trình tự, thủ tục, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu nộp 02 (hai) bộ hồ sơ cho bộ phận tiếp nhận và giao trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Bước 2. Kiểm tra hồ sơ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả chuyên toàn bộ hồ sơ tiếp nhận cho Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và phiếu hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung và hoàn thiện;

c) Bước 3. Thẩm định hồ sơ: Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, tổ chức thẩm định hồ sơ. Gồm các bước sau:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở;

- Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định có thể tiến hành các hoạt động điều tra, kiểm chứng các thông tin, số liệu được trình bày trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở tại địa điểm thực hiện dự án và khu vực kế cận. Kết quả điều tra, kiểm chứng các thông tin, số liệu sẽ quyết định việc tổ chức họp Hội đồng thẩm định hay đề nghị chủ cơ sở chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ trước khi tổ chức họp Hội đồng thẩm định;

- Trường hợp Kế hoạch được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng có chỉnh sửa, bổ sung thì Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản đề nghị cơ sở chỉnh sửa Kế hoạch theo ý kiến Hội đồng thẩm định;

- Trường hợp Kế hoạch được Hội đồng thẩm định thông qua, không phải chỉnh sửa bổ sung thì Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

d) Bước 4. Trình, giải quyết hồ sơ: Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ra quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

đ) Bước 5. Thông báo và trả kết quả hồ sơ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả.

2. Cách thức thực hiện:

a) Cách thức nộp hồ sơ: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện;

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ trình thẩm định:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (bản chính, Mẫu số 2);

+ 15 (mười lăm) bản Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu. Trường hợp cần thiết, đơn vị xem xét hồ sơ yêu cầu cơ sở cung cấp thêm số lượng bản kế hoạch (bản chính, Mẫu số 4);

+ Hồ sơ pháp nhân: Quyết định thành lập/ giấy đăng ký kinh doanh/ giấy chứng nhận đầu tư (bản sao công chứng/ chứng thực);

+ Quyết định thành lập Ban chỉ huy và Đội ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở, kèm theo danh sách (bản chính) và chứng chỉ đã qua lớp tập huấn ứng phó sự cố tràn dầu;

+ 01 (một) bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/ đề án bảo vệ môi trường/ kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc thông báo chấp nhận cam kết bảo vệ môi trường của cơ sở (đối với cơ sở đi vào hoạt động trước thời điểm Quy định này có hiệu lực).

- Số lượng hồ sơ: 02 (hai) bộ

b) Hồ sơ trình phê duyệt:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (bản chính);

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (bản giấy và file dự thảo);

+ Biên bản họp thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Hội đồng thẩm định (bản chính);

+ 05 (năm) bản Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở đã chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định.

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

4. Thời hạn giải quyết hồ sơ:

a) Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: Không quá 05 (năm) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giao trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ tiếp nhận cho Phòng Tài nguyên và Môi trường trong ngày làm việc, trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ 00 phút thì chuyển ngay trong ngày làm việc tiếp theo);

b) Thời hạn thẩm định hồ sơ: Không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Thời gian nêu trên không tính thời gian chủ cơ sở phải chỉnh sửa hồ sơ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo ý kiến của hội đồng thẩm định;

c) Thời hạn trình và giải quyết hồ sơ:

- Thời hạn trình hồ sơ: Không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

- Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi Phòng Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.

d) Thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Cơ quan thực hiện thẩm định và phê duyệt Kế hoạch:

a) Cơ quan trực tiếp thẩm định: Phòng Tài nguyên và Môi trường;

b) Cơ quan phối hợp thẩm định: Các đơn vị liên quan;

c) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở.

7. Phí, lệ phí: Không.

8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 02	Mẫu văn bản đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện)
Mẫu số 04	Đề cương hướng dẫn kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở (thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện)

Điều 12. Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp huyện.

2. Thành phần khung của Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu như sau:

a) Hội đồng cấp tỉnh:

Thành phần Hội đồng thẩm định gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong trường hợp cần thiết có thể có thêm 01 (một) Phó Chủ tịch Hội đồng giúp Chủ tịch Hội đồng thực hiện các phần việc liên quan;

- Các thành viên:

+ Đại diện các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ; các cơ quan quản lý liên quan;

+ Đại diện lãnh đạo Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;

+ Đại diện Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh;

+ Đại diện lãnh đạo Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ – Công an tỉnh;

+ Đại diện lãnh đạo Chi cục Biển – Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Đại diện lãnh đạo Chi cục Bảo vệ Môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Đại diện Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ sở hoạt động.

- Thư ký Hội đồng: Trưởng phòng Quản lý Biển thuộc Chi cục Biển.

Tùy theo mức độ, tính chất, quy mô của từng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, Hội đồng thẩm định có thể mời thêm các thành phần là các chuyên gia có chuyên môn trong lĩnh vực dầu khí, hàng hải, môi trường, phòng cháy chữa cháy, tìm kiếm cứu nạn hoặc lãnh đạo trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực Miền Trung tham gia Hội đồng thẩm định.

b) Hội đồng cấp huyện:

Thành phần Hội đồng thẩm định, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Trong trường hợp cần thiết có thể có thêm 01 (một) Phó Chủ tịch Hội đồng giúp Chủ tịch Hội đồng thực hiện các phần việc liên quan;

- Các thành viên:

+ Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Đại diện Ban Chỉ huy đồn Biên phòng đóng trên địa bàn nơi cơ sở hoạt động;

+ Đại diện Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh;

+ Đại diện lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường;

+ Đại diện Công an cấp huyện;

+ Đại diện các phòng, ban liên quan: Kinh tế - Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cơ sở hoạt động.

- Thư ký Hội đồng: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Tùy theo mức độ, tính chất, quy mô của từng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, Hội đồng thẩm định có thể mời thêm các thành phần là các chuyên gia có chuyên môn trong lĩnh vực dầu khí, môi trường, phòng cháy chữa cháy tham gia Hội đồng thẩm định.

Điều 13. Phương thức hoạt động của Hội đồng thẩm định

1. Đối với trường hợp họp hội đồng thẩm định

Chủ tịch Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức cuộc họp thẩm định. Cuộc họp thẩm định chỉ được tiến hành trong trường hợp có mặt ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên. Trường hợp thành viên Hội đồng không thể tham gia cuộc họp thẩm định nhưng có ý kiến của mình bằng văn bản gửi Chủ tịch Hội đồng trước khi cuộc họp bắt đầu thì được tính có mặt tham dự.

Tài liệu phục vụ cho cuộc họp của Hội đồng thẩm định phải được cơ quan có thẩm quyền thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu gửi đến các thành viên Hội đồng thẩm định chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc, trước ngày tổ chức cuộc họp.

Thành viên Hội đồng thẩm định thảo luận về nội dung của Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và những vấn đề khác có liên quan đến nội dung Kế hoạch. Chủ tịch Hội đồng kết luận nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo 03 (ba) mức: Đạt yêu cầu, đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa bổ sung, không đạt yêu cầu trên cơ sở thống nhất ý kiến của 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng có mặt đồng ý.

Thư ký Hội đồng thẩm định có trách nhiệm ghi biên bản cuộc họp. Biên bản cuộc họp phải được Chủ tịch và Thư ký Hội đồng thẩm định ký.

2. Đối với trường hợp không họp hội đồng thẩm định

Trong trường hợp không tổ chức được việc họp Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định tổ chức xin ý kiến bằng văn bản các thành viên Hội đồng.

Thành viên Hội đồng nhận xét nội dung của Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và những vấn đề khác có liên quan đến nội dung Kế hoạch. Chủ tịch Hội đồng kết luận nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo 03 (ba) mức: Đạt yêu cầu, đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa bổ sung, không đạt yêu cầu trên cơ sở ý kiến bằng văn bản của 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng đồng ý.

Thư ký Hội đồng có trách nhiệm ghi biên bản tổng hợp các ý kiến của thành viên Hội đồng. Biên bản cuộc họp phải được Chủ tịch và Thư ký Hội đồng ký.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Phổ biến, hướng dẫn và triển khai thực hiện Quy định này trên phạm vi toàn tỉnh:

- Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở theo Quy định này;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở, ngành liên quan, Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Trung thẩm định Kế hoạch ứng

phó sự cố tràn dầu của cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến về Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở dầu khí ngoài khơi đã được quy định tại Điều 6 Quy định này;

- Hướng dẫn và tham gia thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc và xử lý hoặc đề nghị xử lý đối với các cơ sở vi phạm Quy định này theo quy định.

2. Định kỳ 01 (một) năm ít nhất 01 (một) lần tổ chức đào tạo, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ ứng phó sự cố tràn dầu cho các lực lượng chuyên trách nòng cốt, bán chuyên trách, kiêm nhiệm ở cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ sở; tuyên truyền, giáo dục cộng đồng, phổ biến kiến thức về nguy cơ, hiểm họa của sự cố tràn dầu để chủ động phòng tránh, ứng phó.

3. Điều tra, xác minh sự cố tràn dầu khi có đề nghị của các Sở, ngành, địa phương, chủ cơ sở hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan về những biện pháp ngăn ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do sự cố tràn dầu gây ra.

4. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện điều tra, đánh giá, xác định thiệt hại và lập hồ sơ đòi bồi thường thiệt hại về môi trường, xây dựng và thực hiện Kế hoạch phục hồi môi trường do tràn dầu.

5. Định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu của địa phương và báo cáo đột xuất khi có tình huống sự cố tràn dầu.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của các Sở, ngành liên quan

1. Triển khai thực hiện Quy định này trong phạm vi ngành quản lý.

2. Tham gia Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở theo phân cấp thẩm quyền tại Quy định này; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các địa phương kiểm tra, đôn đốc chủ cơ sở xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu nhằm ngăn ngừa, hạn chế tối đa khả năng xảy ra sự cố tràn dầu.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu quy định tại Điều 5 Quy định này trên địa bàn huyện theo quy định; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở tại địa phương.

2. Trực tiếp chỉ đạo, tổ chức việc ứng phó và báo cáo kịp thời sự cố tràn dầu khi xảy ra trên địa bàn huyện quản lý; chủ trì đánh giá, xác định thiệt hại, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, yêu cầu chủ cơ sở gây ra tại địa phương bồi thường thiệt hại.

3. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng, phổ biến kiến thức về nguy cơ, hiểm họa của sự cố tràn dầu để bảo vệ môi trường, chủ động phòng tránh và kịp thời ứng phó tại địa phương.

4. Định kỳ 06 (sáu) tháng và hàng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Quy định này của địa phương về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường).

Điều 17. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở

1. Cơ sở phải xây dựng, trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả sau khi được phê duyệt; sẵn sàng tham gia vào hoạt động chung ứng phó sự cố tràn dầu theo sự điều động, chỉ huy thống nhất của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hàng năm phải xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn hoặc cử cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia ứng phó đi tập huấn để nâng cao kỹ năng ứng phó. Định kỳ tối thiểu 06 (sáu) tháng một lần phải triển khai thực hành huấn luyện ứng phó sự cố tràn dầu tại hiện trường.

3. Có phương án đầu tư trang thiết bị, vật tư để từng bước nâng cao năng lực tự ứng phó của cơ sở theo quy định; trong trường hợp cơ sở chưa đủ khả năng tự ứng phó phải ký kết thỏa thuận, hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ quan, đơn vị thích hợp để triển khai khi có tình huống.

4. Chủ động triển khai các hoạt động ứng phó, huy động nguồn lực ứng phó kịp thời, hiệu quả khi xảy ra sự cố tràn dầu.

5. Phải có cam kết đảm bảo tài chính để bồi thường mọi thiệt hại đối với ô nhiễm dầu do cơ sở gây ra. Cam kết bảo đảm tài chính phải được thể hiện trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Trường hợp có sự thay đổi trong quá trình đầu tư xây dựng như thay đổi quy mô đầu tư, thay đổi thiết kế dẫn đến thay đổi nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt, chủ cơ sở phải báo cáo cơ quan đã phê duyệt Kế hoạch và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

7. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu phải được lưu trữ tại cơ sở.

8. Kịp thời báo cáo sự cố tràn dầu xảy ra; định kỳ 6 (sáu) tháng và hàng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện, cập nhật các nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Lưu trữ, niêm yết Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được phê duyệt

1. Kế hoạch đã được phê duyệt phải được lưu giữ tại cơ sở.

2. Chủ cơ sở có trách nhiệm niêm yết tóm tắt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt tại vị trí thuận tiện cho việc quan sát.

3. Nội dung niêm yết tóm tắt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được phê duyệt bao gồm các nội dung sau:

- Danh sách thành viên Ban chỉ huy, Đội ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở (bao gồm số điện thoại di động);

- Danh sách các cơ quan chức năng, cơ quan hỗ trợ ứng phó sự cố tràn dầu, đơn vị ký kết hợp đồng ứng phó sự cố tràn dầu (bao gồm địa chỉ, số điện thoại liên hệ);

- Hoạt động triển khai ứng phó, phân công nhiệm vụ từng thành viên tham gia ứng phó.

Điều 19. Chế độ báo cáo

1. Cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện định kỳ 02 lần/năm, trước ngày 31 tháng 5 và ngày 30 tháng 11 hàng năm. Nội dung báo cáo gồm:

- Thông tin chung đơn vị;

- Đảm bảo trang thiết bị, nhân lực ứng phó theo Kế hoạch được phê duyệt (Kết quả, thuận lợi, khó khăn thực hiện);

- Công tác cập nhật Kế hoạch, đào tạo, diễn tập;

- Tổng hợp các sự cố tràn dầu, đánh giá thiệt hại, biện pháp khắc phục môi trường sau sự cố (nếu có);

- Kế hoạch thực hiện trong thời gian tới;

- Đề xuất, kiến nghị.

2. Cơ sở phải gửi thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung tập huấn, diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu tới Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện muộn nhất 05 (năm) ngày trước ngày tổ chức.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Quy định này trên địa bàn huyện gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, định kỳ 02 lần/năm, trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Quy định này trên địa bàn tỉnh gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn định kỳ 02 lần/năm, trước ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan, thực hiện công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định; tiến hành giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy định này đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cơ sở chịu trách nhiệm triển khai thực hiện quy định này; trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, kiến nghị trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Hòa

PHỤ LỤC
MẪU CÁC VĂN BẢN TRONG HỒ SƠ LẬP, THẨM ĐỊNH
VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 35 /2015/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 6 năm 2015 của UBND tỉnh)

1. Mẫu số 01. MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU *(Thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh)*

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

(Địa danh), ngày.....tháng.....năm.....

V/v đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của (2)

Kính gửi:

- UBND tỉnh Ninh Thuận;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chúng tôi là: (1), chủ cơ sở (2)

- Địa chỉ cơ sở:.....;

- Địa chỉ liên hệ:.....;

- Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....;

Xin gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường hồ sơ gồm:

(Thành phần hồ sơ và số lượng từng loại)

-
-
-
-
-

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở.

(3)

Nơi nhận:

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

- Như trên;

- Lưu.....

Ghi chú:

(1) Chủ cơ sở;

(2) Tên đầy đủ của cơ sở;

(3) Đại diện có thẩm quyền của chủ cơ sở.

2. Mẫu số 02. MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU (Thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

(Địa danh), ngày.....tháng.....năm.....

V/v đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của (2)

Kính gửi: UBND huyện/ thành phố.....(3)

Chúng tôi là: (1), chủ cơ sở (2)

- Địa chỉ cơ sở:.....;

- Địa chỉ liên hệ:.....;

- Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....;

Xin gửi đến (3) hồ sơ gồm:

(Thành phần hồ sơ và số lượng từng loại)

-

-

-

-

-

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực các các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở.

(4)

Nơi nhận:

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

- Như trên;

- Lưu.....

Ghi chú:

(1) Chủ cơ sở;

(2) Tên đầy đủ của cơ sở;

(3) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở

(4) Đại diện có thẩm quyền của chủ cơ sở.

3. Mẫu số 03. ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CÓ TRÀN DÀU CỦA CƠ SỞ (Thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh)

3.1. MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA

<p>(Tên cơ quan chủ quản)</p> <p>(Tên cơ sở)</p>	
<p>KẾ HOẠCH</p> <p>ỨNG PHÓ SỰ CÓ TRÀN DÀU CỦA (1)</p>	
<p>CƠ QUAN CHỦ QUẢN (*)</p> <p>(Đại diện có thẩm quyền của chủ cơ sở ký, ghi họ tên, đóng dấu)</p>	<p>ĐƠN VỊ TỰ VẤN (nếu có) (*)</p> <p>(Đại diện có thẩm quyền của đơn vị ký, ghi họ tên, đóng dấu)</p>
<p>Địa danh, tháng.....năm.....</p>	

Ghi chú:

(1): Tên đầy đủ, chính xác của cơ sở;

(*): Chỉ thể hiện ở trang phụ bì

3.2. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU CỦA CƠ SỞ

- Mục lục
- Danh mục các chữ viết tắt, danh mục các bảng, danh mục các hình (nếu có)

CHƯƠNG I

MỤC ĐÍCH, PHẠM VI VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

- 1.1. Mục đích
- 1.2. Phạm vi Kế hoạch
- 1.3. Cơ sở pháp lý

CHƯƠNG II

TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ

2.1. Giới thiệu tổng quan về cơ sở

2.1.1. Thông tin về cơ sở

- Tên cơ sở:
- Tên cơ quan chủ quản cơ sở:
- Địa chỉ liên hệ với cơ quan chủ quản cơ sở:
- Người đứng đầu cơ quan chủ quản cơ sở:
- Phương tiện liên lạc với cơ quan chủ quản cơ sở:

- Địa điểm thực hiện cơ sở: Mô tả vị trí địa lý (tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới) của địa điểm thực hiện dự án và kèm theo sơ đồ minh họa chỉ rõ các đối tượng tự nhiên (sông ngòi, ao hồ, đường giao thông...), các đối tượng về kinh tế - xã hội (khu dân cư, khu đô thị, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ; công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử...), hiện trạng sử dụng đất trên diện tích đất của cơ sở và các đối tượng khác xung quanh khu vực cơ sở.

2.1.2. Thông tin về các hoạt động sản xuất, kinh doanh có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu: Liệt kê các đối tượng có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu (tên, vị trí, quy mô, đặc điểm và tính chất hóa lý các loại dầu hiện có, quy trình công nghệ hoạt động...)

2.2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường sinh thái

2.2.1. Đặc điểm tự nhiên

2.2.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

2.2.3. Môi trường sinh thái

CHƯƠNG III

ĐÁNH GIÁ NGUỒN TIỀM ẨN NGUY CƠ TRÀN DẦU CỦA CƠ SỞ

3.1. Thống kê các sự cố tràn dầu đã xảy ra của cơ sở (nếu có)

3.2. Các nguồn tiềm ẩn nguy cơ gây sự cố tràn dầu:

Cơ sở căn cứ vào thông tin về các hoạt động sản xuất, kinh doanh có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu (tại mục 2.1.2) để phân tích nguyên nhân, tính toán lượng dầu tràn đối với từng nguy cơ gây sự cố tràn dầu; đánh giá khả năng tác động và phạm vi ảnh hưởng về mặt không gian và thời gian trong trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu.

CHƯƠNG IV

NGUỒN LỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

4.1. Nguồn lực ứng phó sự cố tràn dầu hiện có của cơ sở

4.1.1. Công trình và trang thiết bị ứng phó hiện có của cơ sở

- Mô tả các đặc điểm, chức năng, quy mô và vị trí của các công trình hiện có phục vụ ứng phó sự cố tràn dầu;

- Mô tả đặc điểm, chức năng, thông số kỹ thuật, số lượng, vị trí của các vật liệu, trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu hiện có;

- Mô tả đặc điểm, chức năng, thông số kỹ thuật, số lượng, vị trí trang thiết bị cảnh báo, phòng cháy, chữa cháy hiện có;

- Số lượng thiết bị âm thanh, phương tiện, biển cảnh báo hiện có.

4.1.2. Nhân lực tham gia ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở

- Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu: Danh sách thành viên (họ và tên, chức danh trong cơ sở, chức danh trong ban chỉ huy, số điện thoại, chức năng và nhiệm vụ của ban chỉ huy...)

- Đội ứng phó sự cố tràn dầu: Danh sách thành viên (họ và tên, chức danh trong cơ sở, chức danh trong đội ứng phó sự cố tràn dầu, số điện thoại, chức năng và nhiệm vụ của Đội ứng phó sự cố tràn dầu...)

4.1.3. Kế hoạch đầu tư trang thiết bị và công trình ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở

- Cơ sở căn cứ vào vị trí có nguy cơ tràn dầu và lượng dầu tính toán (tại mục 3.2), các công trình, trang thiết bị và nguồn nhân lực ứng phó sự cố tràn dầu (tại mục 4.1.1 và mục 4.1.2) để lên kế hoạch đầu tư các công trình và trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu;

- Cơ sở cần nêu rõ thời gian hoàn thành việc đầu tư các công trình và trang thiết bị ứng phó (*Cơ sở phải đầu tư hoặc hợp đồng với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu*)

4.1.4. Cam kết đảm bảo tài chính

Chủ cơ sở phải xác định các nguồn tài chính đảm bảo chi trả các thiệt hại bởi sự cố tràn dầu do cơ sở gây ra

- Chi phí cho các bên liên quan tham gia hỗ trợ ứng cứu sự cố tràn dầu;
- Chi phí cho công tác khảo sát, thu thập dữ liệu, chứng cứ để đánh giá thiệt hại về kinh tế và môi trường;
- Bồi thường thiệt hại về kinh tế cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại trực tiếp do sự cố xảy ra;
- Bồi thường cho việc khắc phục môi trường bị suy thoái hoặc bị hủy hoại do ô nhiễm;
- Bồi thường tổn thất gây ra thương tích hoặc tử vong do sự cố tràn dầu;
- Các chi phí khác có liên quan

(Nội dung cam kết tài chính phải được chủ cơ sở thể hiện bằng văn bản kèm theo Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu)

4.2. Nguồn lực bên ngoài

Trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu vượt khả năng ứng phó của cơ sở thì phải được sự hỗ trợ ứng phó từ các cơ quan, tổ chức bên ngoài như hợp đồng với các đơn vị ứng phó sự cố tràn dầu chuyên nghiệp, nguồn lực phối hợp hiệp đồng giữa các cơ sở, nguồn lực hỗ trợ từ các cơ quan quản lý (lập biểu gồm các thông tin: tên cơ quan, tổ chức, địa chỉ, số điện thoại, fax)

CHƯƠNG V

QUY TRÌNH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

5.1. Xử lý thông tin, báo cáo và thông báo về sự cố tràn dầu

5.1.1. Xử lý thông tin, báo cáo về sự cố tràn dầu

Khi nhận được thông tin, báo cáo về sự cố tràn dầu của cơ sở, Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu thực hiện xử lý thông tin, báo cáo gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tính xác thực của thông tin, báo cáo về sự cố tràn dầu;
- Sơ bộ đánh giá tính chất, phạm vi, mức độ và hậu quả có thể của sự cố tràn dầu;
- Chỉ đạo đội ứng phó triển khai phương án, biện pháp ứng phó khẩn cấp theo phương châm 04 tại chỗ (chỉ huy tại chỗ, nhân lực tại chỗ, phương tiện và thiết bị tại chỗ, hậu cần tại chỗ)

5.1.2. Thông báo về sự cố tràn dầu

- Thông báo nội bộ: Cập nhật số điện thoại liên hệ
- Báo cáo, thông báo đến các cơ quan quản lý có liên quan (theo Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu) về tình hình xử lý thông tin và các biện pháp triển khai, phối hợp ứng phó cụ thể và đề xuất kiến nghị:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường: Cập nhật địa chỉ và số điện thoại tiếp nhận khẩn;

+ Ban chỉ huy phòng chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh: Cập nhật địa chỉ và số điện thoại tiếp nhận khẩn;

+ UBND cấp huyện nơi xảy ra sự cố: Cập nhật địa chỉ và số điện thoại tiếp nhận khẩn;

+ Các cơ quan liên quan khác...: Cập nhật địa chỉ và số điện thoại tiếp nhận;

- Thông báo với cơ quan, đơn vị đã ký kết hợp đồng hỗ trợ ứng phó trong hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu (nếu có): cập nhật địa chỉ, số điện thoại liên hệ;

- Thông báo cho đơn vị có khả năng hỗ trợ ứng phó sự cố tràn dầu (đối với sự cố vượt khả năng tự ứng phó của cơ sở): cập nhật địa chỉ, số điện thoại liên hệ;

- Thông báo cho các cơ quan, đơn vị và người dân trong vùng, khu vực bị ảnh hưởng hoặc có khả năng bị ảnh hưởng về sự cố tràn dầu để chủ động ứng phó, khắc phục: cập nhật địa chỉ, số điện thoại liên hệ.

5.2. Tổ chức triển khai các hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu

5.2.1. Đối với sự cố tràn dầu ở quy mô cơ sở: Mô tả cụ thể các hoạt động triển khai ứng phó sự cố tràn dầu tại hiện trường và nêu rõ trách nhiệm từng thành viên tham gia ứng phó sự cố tràn dầu.

5.2.2. Đối với sự cố tràn dầu vượt khả năng tự ứng cứu của cơ sở: Mô tả các biện pháp chủ động ứng phó tại chỗ, phương án phối hợp triển khai ứng phó và nêu rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị tham gia ứng phó sự cố tràn dầu tại hiện trường.

5.3. Báo cáo quá trình ứng phó và khắc phục sự cố tràn dầu

- Báo cáo trong ứng phó và khắc phục sự cố tràn dầu: Cơ sở thực hiện báo cáo về quá trình ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban chỉ huy phòng chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh. Báo cáo sự cố tràn dầu phải được duy trì liên tục từ lúc phát hiện dầu tràn đến khi kết thúc hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, bao gồm các báo cáo sau:

+ Báo cáo ban đầu sự cố tràn dầu: Thực hiện khi phát hiện về sự cố tràn dầu;

+ Các báo cáo sự cố tràn dầu tiếp theo: Thực hiện định kỳ hàng ngày trong quá trình ứng phó sự cố tràn dầu;

+ Báo cáo kết thúc sự cố tràn dầu: Thực hiện khi kết thúc các hoạt động ứng phó;

+ Báo cáo tổng hợp sự cố tràn dầu: Thực hiện để tổng hợp tình hình ứng phó sự cố tràn dầu từ lúc phát hiện dầu tràn đến khi kết thúc các hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

- Nội dung báo cáo: gồm các thông tin sau:

+ Thời gian xảy ra hoặc phát hiện sự cố;

+ Vị trí sự cố, tọa độ (nếu có)

+ Loại dầu (dầu thô, dầu thành phẩm...);

+ Ước tính khối lượng và tốc độ dầu tràn;

+ Điều kiện thời tiết (sóng, gió, dòng chảy...);

+ Các thông tin liên quan khác;

+ Các hoạt động đã và dự kiến triển khai;

+ Các yêu cầu, đề nghị trợ giúp, cứu hộ, ứng phó sự cố tràn dầu;

5.4. Kết thúc hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu

- Công tác thu dọn hiện trường sau sự cố, xử lý chất thải thu gom sau sự cố, làm sạch vệ sinh môi trường;

- Tổ chức quan trắc môi trường sau sự cố;

- Công tác tài chính thanh toán cho những bên liên quan tham gia hỗ trợ ứng phó sự cố tràn dầu và bồi thường thiệt hại (nếu có)

5.5. Sơ đồ tổ chức ứng phó sự cố tràn dầu

Bước 1. Người phát hiện sự cố tràn dầu thông báo Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu;

Bước 2. Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu xử lý thông tin, báo cáo và thông báo về sự cố tràn dầu;

Bước 3. Tổ chức triển khai các hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu và báo cáo quá trình xử lý sự cố tràn dầu;

Bước 4. Thu dọn hiện trường sau khi xử lý sự cố tràn dầu và báo cáo kết thúc sự cố tràn dầu;

Bước 5. Đánh giá thiệt hại sau sự cố, tính toán chi phí xử lý; thực hiện công tác đền bù (nếu có); xử lý vi phạm và tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm và khen thưởng;

Bước 6. Báo cáo tổng hợp sự cố tràn dầu.

CHƯƠNG VI

TẬP HUẤN, DIỄN TẬP, CẬP NHẬT VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

6.1. Tập huấn, diễn tập

6.1.1. Kế hoạch về chương trình tập huấn hàng năm: dự kiến kế hoạch tổ chức tập huấn (thời gian, địa điểm, nội dung...) hoặc cử thành viên tham gia ứng phó tràn dầu của cơ sở đi tập huấn để nâng cao kỹ năng ứng phó sự cố tràn dầu.

6.1.2. Danh sách các cán bộ, nhân viên sẽ được cử đi tập huấn

6.1.3. Những đơn vị, cơ quan tổ chức liên kết tập huấn

6.2. Diễn tập

6.2.1. Kịch bản diễn tập: xây dựng các tình huống diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu điển hình, tình huống tràn dầu lớn nhất và tình huống có khả năng gây tác động lớn nhất đối với từng đối tượng có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu (từ khi phát hiện sự cố đến khi kết thúc sự cố, thu dọn hiện trường)

6.2.2. Tổ chức, triển khai và thời gian diễn tập định kỳ: dự kiến kế hoạch tổ chức diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu (thời gian, địa điểm, nội dung...)

6.3. Cập nhật và thực hiện kế hoạch

Triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được cơ quan chức năng phê duyệt trong phạm vi hoạt động của mình. Hàng năm cập nhật các nội dung Kế hoạch đã được Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý và phối hợp khi cần thiết.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

Kiến nghị

PHỤ LỤC

1. Hồ sơ pháp lý liên quan đến cơ sở;
2. Hồ sơ kỹ thuật liên quan đến cơ sở: Sơ đồ mặt bằng, sơ đồ công nghệ, quy trình vận hành, thiết có kỹ thuật có liên quan...
3. Quyết định thành lập Ban chỉ huy và Đội ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở;
4. Cam kết đảm bảo tài chính.

4. Mẫu số 04. ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CÓ TRÀN DẦU CỦA CƠ SỞ (Thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện)

4.1. MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA

<p>(Tên cơ quan chủ quản cơ sở)</p> <p>(Tên cơ sở)</p>	
<p>KẾ HOẠCH</p> <p>ỨNG PHÓ SỰ CÓ TRÀN DẦU CỦA (1)</p>	
<p>CƠ QUAN CHỦ QUẢN (*)</p> <p>(Đại diện có thẩm quyền của chủ cơ sở ký, ghi họ tên, đóng dấu)</p>	<p>ĐƠN VỊ TỰ VẤN (nếu có) (*)</p> <p>(Đại diện có thẩm quyền của đơn vị ký, ghi họ tên, đóng dấu)</p>
<p>Địa danh, tháng.....năm.....</p>	

Ghi chú:

(1): Tên đầy đủ, chính xác của cơ sở;

(*): Chỉ thể hiện ở trang phụ bì

4.2. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CÓ TRÀN DẦU CỦA CƠ SỞ

- Mục lục

- Danh mục các chữ viết tắt, danh mục các bảng, danh mục các hình (nếu có)

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ

1.1. Thông tin về cơ sở

- Tên cơ sở:
- Tên cơ quan chủ quản cơ sở:
- Địa chỉ liên hệ với cơ quan chủ quản cơ sở:
- Người đứng đầu cơ quan chủ quản cơ sở:
- Phương tiện liên lạc với cơ quan chủ quản cơ sở:
- Địa điểm thực hiện cơ sở: Mô tả vị trí địa lý (tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới) của địa điểm thực hiện dự án và kèm theo sơ đồ minh họa chỉ rõ các đối tượng tự nhiên (sông ngòi, ao hồ, đường giao thông...), các đối tượng về kinh tế - xã hội (khu dân cư, khu đô thị, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ; công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử...), hiện trạng sử dụng đất trên diện tích đất của cơ sở và các đối tượng khác xung quanh khu vực cơ sở.

1.2. Thông tin về các hoạt động sản xuất, kinh doanh có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu: Liệt kê các đối tượng có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu (tên, vị trí, quy mô, đặc điểm và tính chất hóa lý các loại dầu hiện có, quy trình công nghệ hoạt động...)

CHƯƠNG II

ĐÁNH GIÁ NGUỒN TIỀM ẨN NGUY CƠ TRÀN DẦU CỦA CƠ SỞ

2.1. Thống kê các sự cố tràn dầu đã xảy ra của cơ sở (nếu có)

2.2. Các nguồn tiềm ẩn nguy cơ gây sự cố tràn dầu:

Cơ sở căn cứ vào thông tin về các hoạt động sản xuất, kinh doanh có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu (tại mục 1.2) để phân tích nguyên nhân, tính toán lượng dầu tràn đối với từng nguy cơ gây sự cố tràn dầu; Đánh giá khả năng tác động và phạm vi ảnh hưởng về mặt không gian và thời gian trong trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu.

CHƯƠNG III

NGUỒN LỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

3.1. Nguồn lực ứng phó sự cố tràn dầu hiện có của cơ sở

3.1.1. Công trình và trang thiết bị ứng phó hiện có của cơ sở

- Mô tả các đặc điểm, chức năng, quy mô và vị trí của các công trình hiện có phục vụ ứng phó sự cố tràn dầu;

- Mô tả đặc điểm, chức năng, thông số kỹ thuật, số lượng, vị trí để của các vật liệu, trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu hiện có;

- Mô tả đặc điểm, chức năng, thông số kỹ thuật, số lượng, vị trí trang thiết bị cảnh báo, phòng cháy, chữa cháy hiện có;

- Số lượng thiết bị âm thanh, phương tiện, biển cảnh báo hiện có.

3.1.2. Nhân lực tham gia ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở

- Ban chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu: Danh sách thành viên (họ và tên, chức danh trong cơ sở, chức danh trong ban chỉ huy, số điện thoại, chức năng và nhiệm vụ của Ban chỉ huy...) (nếu có);

- Đội ứng phó sự cố tràn dầu: Danh sách thành viên (họ và tên, chức danh trong cơ sở, chức danh trong Đội ứng phó, số điện thoại, chức năng và nhiệm vụ của Đội ứng phó sự cố tràn dầu...).

3.1.3. Kế hoạch đầu tư trang thiết bị và công trình ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở

- Cơ sở căn cứ vào vị trí có nguy cơ và lượng dầu tính toán (tại mục 2.2), các công trình, trang thiết bị và nguồn nhân lực ứng phó sự cố tràn dầu (tại mục 3.1.1 và mục 3.1.2) để lên kế hoạch đầu tư các công trình và trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu;

- Cơ sở cần nêu rõ thời gian hoàn thành việc đầu tư các công trình và trang thiết bị ứng phó (*Cơ sở phải đầu tư hoặc hợp đồng với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu*)

3.1.4. Cam kết đảm bảo tài chính

Chủ cơ sở phải xác định các nguồn tài chính đảm bảo chi trả các thiệt hại bởi sự cố tràn dầu do cơ sở gây ra

- Chi phí cho các bên liên quan tham gia hỗ trợ ứng cứu sự cố tràn dầu;

- Chi phí cho công tác khảo sát, thu thập dữ liệu, chứng cứ để đánh giá thiệt hại về kinh tế và môi trường;

- Bồi thường thiệt hại về kinh tế cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại trực tiếp do sự cố xảy ra;

- Bồi thường cho việc khắc phục môi trường bị suy thoái hoặc bị hủy hoại do ô nhiễm;

- Bồi thường tổn thất gây ra thương tích hoặc tử vong do sự cố tràn dầu;

- Các chi phí khác có liên quan

(Nội dung cam kết tài chính phải được chủ cơ sở thể hiện bằng văn bản kèm theo Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu)

3.2. Nguồn lực bên ngoài

Trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu vượt khả năng ứng phó của cơ sở thì phải được sự hỗ trợ ứng phó từ các cơ quan, tổ chức bên ngoài như hợp đồng với các đơn vị ứng phó sự cố tràn dầu chuyên nghiệp, nguồn lực phối hợp hiệp đồng giữa các cơ sở, nguồn lực hỗ trợ từ các cơ quan quản lý (lập biểu gồm các thông tin: tên cơ quan, tổ chức, địa chỉ, số điện thoại, fax)

CHƯƠNG IV

QUY TRÌNH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

4.1. Xử lý thông tin, báo cáo và thông báo về sự cố tràn dầu

4.1.1. Xử lý thông tin, báo cáo về sự cố tràn dầu

Khi nhận được thông tin, báo cáo về sự cố tràn dầu của cơ sở, Ban chỉ huy/ Đội ứng phó sự cố tràn dầu thực hiện xử lý thông tin, báo cáo gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tính xác thực của thông tin, báo cáo về sự cố tràn dầu;
- Sơ bộ đánh giá tính chất, phạm vi, mức độ và hậu quả có thể của sự cố tràn dầu;
- Chỉ đạo đội ứng phó triển khai phương án, biện pháp ứng phó khẩn cấp theo phương châm 04 tại chỗ (chỉ huy tại chỗ, nhân lực tại chỗ, phương tiện và thiết bị tại chỗ, hậu cần tại chỗ)

4.1.2. Thông báo về sự cố tràn dầu

- Thông báo nội bộ: Cập nhật số điện thoại liên hệ
- Báo cáo, thông báo đến các cơ quan quản lý có liên quan (theo Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu) về tình hình xử lý thông tin và các biện pháp triển khai, phối hợp ứng phó cụ thể và đề xuất kiến nghị: cập nhật địa chỉ và số điện thoại tiếp nhận khẩn;
- Thông báo với cơ quan, đơn vị đã ký kết hợp đồng hỗ trợ ứng phó trong hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu (nếu có): cập nhật địa chỉ, số điện thoại liên hệ;
- Thông báo cho đơn vị có khả năng hỗ trợ ứng phó sự cố tràn dầu (đối với sự cố vượt khả năng tự ứng phó của cơ sở): cập nhật địa chỉ, số điện thoại liên hệ;
- Thông báo cho các cơ quan, đơn vị và người dân trong vùng, khu vực bị ảnh hưởng hoặc có khả năng bị ảnh hưởng về sự cố tràn dầu đề chủ động ứng phó, khắc phục: cập nhật địa chỉ, số điện thoại liên hệ.

4.2. Tổ chức triển khai các hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu

4.2.1. Đối với sự cố tràn dầu ở quy mô cơ sở: Mô tả cụ thể các hoạt động triển khai ứng phó sự cố tràn dầu tại hiện trường và nêu rõ trách nhiệm từng thành viên tham gia ứng phó sự cố tràn dầu.

4.2.2. Đối với sự cố tràn dầu vượt khả năng tự ứng cứu của cơ sở: Mô tả các biện pháp chủ động ứng phó tại chỗ, phương án phối hợp triển khai ứng phó và nêu rõ trách nhiệm của các cơ quan, vị tham gia ứng phó sự cố tràn dầu tại hiện trường.

4.3. Báo cáo quá trình ứng phó và khắc phục sự cố tràn dầu

- Báo cáo trong ứng phó và khắc phục sự cố tràn dầu: Cơ sở thực hiện báo cáo về quá trình ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện. Báo cáo sự cố tràn dầu phải được duy trì liên tục từ lúc phát hiện dầu tràn đến khi kết thúc hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, bao gồm các báo cáo sau:

+ Báo cáo ban đầu sự cố tràn dầu: Thực hiện khi phát hiện về sự cố tràn dầu;

+ Các báo cáo sự cố tràn dầu tiếp theo: Thực hiện định kỳ hàng ngày trong quá trình ứng phó sự cố tràn dầu;

+ Báo cáo kết thúc sự cố tràn dầu: Thực hiện khi kết thúc các hoạt động ứng phó;

+ Báo cáo tổng hợp sự cố tràn dầu: Thực hiện để tổng hợp tình hình ứng phó sự cố tràn dầu từ lúc phát hiện dầu tràn đến khi kết thúc các hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

- Nội dung báo cáo: gồm các thông tin sau:

+ Thời gian xảy ra hoặc phát hiện sự cố;

+ Vị trí sự cố, tọa độ (nếu có)

+ Loại dầu (dầu thô, dầu thành phẩm...);

+ Ước tính khối lượng và tốc độ dầu tràn;

+ Điều kiện thời tiết (sóng, gió, dòng chảy...);

+ Các thông tin liên quan khác;

+ Các hoạt động đã và dự kiến triển khai;

+ Các yêu cầu, đề nghị trợ giúp, cứu hộ, ứng phó sự cố tràn dầu;

4.4. Kết thúc hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu

- Công tác thu dọn hiện trường sau sự cố, xử lý chất thải thu gom sau sự cố, làm sạch vệ sinh môi trường;

- Tổ chức quan trắc môi trường sau sự cố;

- Công tác tài chính thanh toán cho những bên liên quan tham gia hỗ trợ ứng phó sự cố tràn dầu và bồi thường thiệt hại (nếu có)

4.5. Sơ đồ tổ chức ứng phó sự cố tràn dầu

Bước 1. Người phát hiện sự cố tràn dầu thông báo Ban chỉ huy/ Đội ứng phó sự cố tràn dầu;

Bước 2. Ban chỉ huy/ Đội ứng phó sự cố tràn dầu xử lý thông tin, báo cáo và thông báo về sự cố tràn dầu;

Bước 3. Tổ chức triển khai các hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu và báo cáo quá trình xử lý sự cố tràn dầu;

Bước 4. Thu dọn hiện trường sau khi xử lý sự cố tràn dầu và báo cáo kết thúc sự cố tràn dầu;

Bước 5. Đánh giá thiệt hại sau sự cố, tính toán chi phí xử lý; thực hiện công tác đền bù (nếu có); xử lý vi phạm và tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm và khen thưởng;

Bước 6. Báo cáo tổng hợp sự cố tràn dầu.

CHƯƠNG V

TẬP HUẤN, DIỄN TẬP, CẬP NHẬT VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

5.1. Tập huấn, diễn tập

5.1.1. Kế hoạch về chương trình tập huấn hàng năm: dự kiến kế hoạch tổ chức tập huấn (thời gian, địa điểm, nội dung...) hoặc cử thành viên tham gia ứng phó tràn dầu của cơ sở đi tập huấn để nâng cao kỹ năng ứng phó sự cố tràn dầu.

5.1.2. Danh sách các cán bộ, nhân viên sẽ được cử đi tập huấn

5.1.3. Những đơn vị, cơ quan tổ chức liên kết tập huấn

5.2. Diễn tập

5.2.1. Kịch bản diễn tập: xây dựng các tình huống diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu điển hình, tình huống tràn dầu lớn nhất và tình huống có khả năng gây tác động lớn nhất đối với từng đối tượng có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu (từ khi phát hiện sự cố đến khi kết thúc sự cố, thu dọn hiện trường)

5.2.2. Tổ chức, triển khai và thời gian diễn tập định kỳ: dự kiến kế hoạch tổ chức diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu (thời gian, địa điểm, nội dung...)

5.3. Cập nhật và thực hiện kế hoạch

Triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được cơ quan chức năng phê duyệt trong phạm vi hoạt động của mình. Hàng năm cập nhật các nội dung Kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Ủy ban nhân dân cấp huyện để theo dõi, quản lý và phối hợp khi cần thiết.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

Kiến nghị

PHỤ LỤC

1. Hồ sơ pháp lý liên quan đến cơ sở;
2. Hồ sơ kỹ thuật liên quan đến cơ sở: Sơ đồ mặt bằng, sơ đồ công nghệ, quy trình vận hành, thiết có kỹ thuật có liên quan...
3. Quyết định thành lập Ban chỉ huy và Đội ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở;
4. Cam kết đảm bảo tài chính.